ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG VÀ THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

ThS. Nguyễn Nhật Tường[1]; ThS. Võ Thành Trinh[2]; ThS. Nguyễn Minh Đức[3]

Tóm tắt: *Thông qua sử dụng phương pháp quan sát, phỏng vấn tọa đàm, phương pháp kiểm tra sư phạm và phương pháp toán học thống kê; tiến hành đánh giá thực trạng sử dụng trò chơi vận động và thực trạng thể lực của sinh viên trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Là cơ sở để lựa chọn trò chơi vận động vào chương trình giáo dục thể chất (GDTC) để phát triển thể lực cho sinh viên (SV) trường Đại học Y Dược Cần Thơ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho sinh viên trường trường Đại học Y Dược Cần Thơ.*

Từ khóa: *thực trạng; trò chơi vận động; thể lực; sinh viên; trường Đại học Y Dược Cần Thơ.*

Abstract: *Through the use of observation methods, discussion interviews, pedagogical testing methods and mathematical and statistical methods; assess the actual use of movement games and physical fitness status of students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. As a basis for selecting movement games into the physical education program to develop physical strength for students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy, contributing to improving the effectiveness of physical education for students of the University of Medicine and Pharmacy. Can Tho Pharmacy.*

Keywords: *reality; motor games; physical; student; Can Tho University of Medicine and Pharmacy.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiệm vụ của GDTC trong nhà trường, một mặt trang bị cho học sinh, sinh viên (SV) những kỹ năng, kỹ xảo vận động. Song, mặt khác quan trọng hơn là phát triển ở họ những tố chất thể lực cần thiết. Vì vậy, một vấn đề đặt ra là muốn công tác GDTC có hiệu quả hơn, phải thông qua tìm kiếm những biện pháp khác nhau phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC. Trong đó, việc ứng dụng đưa thường xuyên nội dung trò chơi vận động (TCVĐ) vào các buổi học, có ý nghĩa hết sức quan trọng và cần thiết, bên cạnh các nội dung môn học Điền kinh, Thể dục, Bóng chuyền, Bóng đá….. Cho đến nay, mặc dù trong chương trình giảng dạy GDTC đã có một số TCVĐ, song số lượng các trò chơi này còn quá ít, lặp lại nhiều lần nên chưa gây hứng thú cho học sinh, SV, hiệu quả giáo dục bị hạn chế.

Vì vậy bổ sung và ứng dụng thêm nhiều TCVĐ trong các buổi học cho học sinh, SV nhà trường là hết sức quan trọng và cần thiết. Thông qua TCVĐ các SV có điều kiện hoàn thiện bản thân về thể chất và nhân cách. Với mong muốn đóng góp một phần vào sự phát triển của nhà trường, nâng cao chất lượng giảng dạy của giờ học đối với SV chương trình giáo dục thể chất chúng tôi vtiến hành nghiên cứu: ***"Đánh giá thực trạng sử dụng TCVĐ và thể lực của SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ".***

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn; thực nghiệm sư phạm; kiểm tra sư phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng sử dụng TCVĐ của SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Để đánh giá thực trạng việc phát triển thể lực của SV, chúng tôi tiến hành tìm hiểu việc sử dụng TCVĐ của SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 20 giáo viên giảng dậy thể dục ở trường Đại học Y Dược Cần Thơ và các trường khu vực Cần Thơ những nội dung sau

- Những loại trò chơi nào được sử dụng để GDTC cho SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Số lần sử dụng các TCVĐ trong mỗi tuần.
- Thời gian sử dụng các trò chơi đó trong mỗi buổi lên lớp.
- Những khó khăn trong khi sử dụng các TCVĐ cho SV.

Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1

Qua bảng 1 cho thấy: Việc sử dụng trò chơi để phát triển thể lực chung SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã có triển khai tương đối khá song cũng thể hiện một số tồn tại sau:

- Thời gian chơi trò chơi trong mỗi buổi lên lớp phần lớn các giáo viên sử dụng là 5 - 10 phút, một số giáo viên sử dụng 10 - 15 phút và cá biệt có trường hợp sử dụng dưới 5 phút.

1, 2: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
3: Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Bảng 1. Thực trạng về việc sử dụng TCVĐ của SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ (n = 20)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả					
		Thường xuyên	*Tỷ lệ %*	*Có sử dụng*	*Tỷ lệ %*	*ít sử dụng*	*Tỷ lệ %*
1	Những trò chơi được sử dụng:						
	- Trò chơi định hướng phản xạ khéo léo	5	25,0	13	65,0	2	10,0
	- Trò chơi phát triển sức mạnh chân	17	85,0	3	15,0	0	0,0
	- Trò chơi rèn luyện kỹ năng ném, co kéo và sức mạnh tay	10	50,0	8	40,0	2	10,0
	- Trò chơi phát triển kỹ năng phối hợp	5	25,0	14	70,0	1	5,0
2	Thời gian sử dụng trò chơi mỗi buổi tập:						
	- Từ 10 - 15 phút	0	0,0	4	20,0	0	0,0
	- Từ 5 - 10 phút	15	75,0	0	0,0	0	0,0
	- Dưới 5 phút	0	0,0	1	5,0	0	0,0
3	Số lần sử dụng trò chơi trong tuần:						
	- 3 lần.	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	- 2 lần.	0	0,0	8	40,0	0	0,0
	- 1 lần.	16	60,0	0	0,0	0	0,0
4	Những khó khăn khi sử dụng trò chơi:						
	- Sân bãi	16	80,0	0	0,0	0	0,0
	- Dụng cụ	0	0,0	3	15,0	0	0,0
	- Tổ chức	0	0,0	0	0,0	1	5,0

- Số lần sử dụng trò chơi trong một tuần còn quá ít, chỉ 8 người trả lời có sử dụng 2 lần một tuần chiếm tỷ lệ 40,0%. Còn phần lớn thường xuyên sử dụng 1 lần/tuần (chiếm 60,0%) và không có giáo viên nào sử dụng 3 lần một tuần.

- Trong quá trình phỏng vấn về thực trạng sử dụng trò chơi ở trường Đại học Y Dược Cần Thơ cũng cho thấy một số vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động trò chơi cho SV là có đến 80,0% số người trả lời trật hẹp về sân bãi, 15.0% trả lời dụng cụ triển khai trò chơi còn thiếu thốn và số ít giáo viên chiếm 5,0% còn hạn chế về trình độ. Do vậy ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng hoạt động của các trò chơi.

2.2. Đánh giá tố chất thể lực chung của SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Các tố chất thể lực được đánh giá bao gồm sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp vận động. Quá trình đánh giá sử dụng các test đánh giá thể lực của SV SV và dựa trên tiêu chuẩn theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả được trình bày ở bảng 2 và 3.

Qua bảng 2 cho thấy: Thể lực của nam SV năm thứ 1,2 và 3 tốt hơn mức trung bình của người VN cùng lứa tuổi ở các chỉ tiêu: *Lực bóp tay thuận (kg), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy tùy sức 5 phút (m)* có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $t_{tính} > t_{bảng}$ với $P < 0.05$. 3 Chỉ tiêu còn lại nam SV năm thấp hơn mức trung bình của người VN cùng lứa tuổi ở các chỉ tiêu: *Nằm ngửa gập bụng (lần/30giây); Chạy con thoi 4x10m (giây)* không có sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình với $t_{tính} < t_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất $P > 0.05$.

Qua bảng 3 cho thấy: Thể lực của nữ SV năm thứ 1, 2 và 3 tốt hơn mức trung bình của người VN cùng lứa tuổi ở các chỉ tiêu: *Lực bóp tay thuận (kg), Nằm ngửa gập bụng (lần/30giây),Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30m xuất phát cao (giây), Chạy con thoi 4x10m (giây), Chạy tùy sức 5 phút (m)* có sự khác biệt với $t_{tính} > t_{bảng}$ với $P < 0.05$. 1 chỉ tiêu còn lại thấp hơn mức trung bình của người VN: *Lực bóp tay thuận (kg)* không có sự khác biệt với $t_{tính} < t_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất $P > 0.05$.

2.3. Đánh giá xếp loại thể lực SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Để đánh giá và xác định trình độ thể lực của SV trường ĐHYDCT được xếp loại thể lực theo 3 loại:

- *Tốt:* Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi có ba chỉ tiêu tốt và một chỉ tiêu đạt trở lên.
- *Đạt:* Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi từ mức đạt trở lên.
- *Chưa đạt:* Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi có chỉ tiêu dưới mức đạt.

Bảng 2. So sánh thực trạng thể lực nam SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ với mức trung bình của người Việt Nam

TT	Nội dung kiểm tra	Năm học	Chỉ số		Nam thanh niên VN		D	t	P
			$\bar{x}$	$\pm\delta$	$\bar{x}$	$\pm\delta$			
1	*Lực bóp tay thuận (kg)*	1	45.26	4.48	43.90	6.50	1.36	2.70	<0.05
		2	46.77	4.54	44.44	6.13	2.33	4.61	<0.05
		3	44.75	4.31	44.57	6.43	0.18	0.37	>0.05
2	*Nằm ngửa gập bụng (lần/30giây)*	1	19.07	2.19	20.00	3.59	- 0.93	- 3.72	<0.05
		2	19.89	2.26	20.00	3.60	- 0.11	- 0.43	>0.05
		3	19.01	2.17	20.00	4.01	- 0.99	- 3.92	<0.05
3	*Bật xa tại chỗ (cm)*	1	221.27	10.02	219.00	21.14	2.27	1.90	<0.05
		2	222.42	10.66	218.00	20.70	4.42	3.53	<0.05
		3	220.89	10.46	220.00	20.80	0.89	0.72	>0.05
4	*Chạy 30m xuất phát cao (giây)*	1	4.91	0.42	4.88	0.51	0.03	0.65	>0.05
		2	4.92	0.41	4.85	0.50	0.07	1.55	>0.05
		3	4.96	0.42	4.85	0.53	0.11	2.37	<0.05
5	*Chạy con thoi 4x10m (giây)*	1	11.85	0.70	10.61	0.85	1.24	16.06	<0.05
		2	11.87	0.73	10.59	0.94	1.28	15.81	<0.05
		3	11.93	0.64	10.61	0.98	1.32	18.24	<0.05
6	*Chạy tùy sức 5 phút (m)*	1	998.5	50.53	940.00	111.60	58.5	9.58	<0.05
		2	995.37	51.04	954.00	122.10	41.37	6.57	<0.05
		3	995.34	52.85	942.00	118.10	53.34	8.33	<0.05

Bảng 3. So sánh thực trạng thể lực nữ SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ với mức trung bình của người Việt Nam

TT	Nội dung kiểm tra	Năm học	Chỉ số		Nam thanh niên VN		D	t	P
			$\bar{x}$	$\pm\delta$	$\bar{x}$	$\pm\delta$			
1	*Lực bóp tay thuận (kg)*	1	28.90	2.68	28.96	5.09	- 0.06	- 0.19	>0.05
		2	29.10	2.73	29.15	4.92	- 0.05	- 0.16	>0.05
		3	28.95	2.72	28.83	4.47	0.12	0.39	>0.05
2	*Nằm ngửa gập bụng (lần/30giây)*	1	18.41	1.98	12.00	3.96	6.41	27.39	<0.05
		2	18.48	2.09	12.00	3.99	6.48	26.48	<0.05
		3	18.51	2.03	12.00	3.88	6.51	27.38	<0.05
3	*Bật xa tại chỗ (cm)*	1	161.7	9.29	160.00	18.23	1.7	1.55	>0.05
		2	162.2	8.17	159.00	17.19	3.20	3.28	<0.05
		3	161.93	5.92	157.00	17.16	4.93	6.37	<0.05
4	*Chạy 30m xuất phát cao (giây)*	1	5.94	0.40	6.23	0.64	- 0.29	- 6.37	<0.05
		2	6.01	0.48	6.19	0.62	- 0.18	- 3.38	<0.05
		3	6.11	0.51	6.22	0.62	- 0.11	- 1.96	<0.05
5	*Chạy con thoi 4x10m (giây)*	1	12.48	0.55	12.58	1.71	- 0.1	- 1.35	>0.05
		2	12.37	0.68	12.62	1.10	- 0.25	- 3.23	<0.05
		3	12.38	0.79	12.62	1.10	- 0.24	- 2.72	<0.05
6	*Chạy tùy sức 5 phút (m)*	1	844.8	55.99	722.00	102.30	122.8	18.88	<0.05
		2	848.37	60.96	729.00	101.50	119.37	17.11	<0.05
		3	845.57	57.68	721.00	96.70	124.57	18.86	<0.05

Ghi chú: Ở cột D dấu trừ (-) thể hiện chỉ tiêu thể lực của nam SV năm thứ I trường ĐHYDCT thấp hơn mức trung bình của người VN ở lứa tuổi 18. Chỉ tiêu chạy 30m xuất phát cao (giây) và chạy con thoi 4x10m (giây) thì ngược lại.

Bảng 4. Kết quả đánh giá xếp loại thể lực theo từng chỉ tiêu của nam SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Lứa tuổi	Xếp loại	Tố chất thể lực					
		Lực bóp tay thuận (kg)	*Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)*	*Bật xa tại chỗ (cm)*	*Chạy 30m XPC (giây)*	*Chạy con thoi 4 x 10m (giây)*	*Chạy tùy sức 5 phút (m)*
SV năm I, lứa tuổi 18	***Tốt***	36	15	47	29	28	19
		40.00%	16.67%	52.22%	32.22%	31.11%	21.11%
	Đạt	39	63	38	52	52	46
		43.33%	70.00%	42.22%	57.78%	57.78%	51.11%
	Chưa đạt	15	12	5	9	10	25
		16.67%	13.33%	5.56%	10.00%	11.11%	27.78%
SV năm II, lứa tuổi 19	***Tốt***	40	10	51	25	25	12
		44.44%	11.11%	56.67%	27.78%	27.78%	13.33%
	Đạt	39	75	35	60	52	54
		43.33%	83.33%	38.89%	66.67%	57.78%	60.00%
	Chưa đạt	11	5	4	5	13	24
		12.23%	5.56%	4.44%	5.56%	14.44%	26.67%
SV năm III, lứa tuổi 20	***Tốt***	30	19	48	20	20	9
		33.33%	21.11%	53.33%	22.22%	22.22%	10.00%
	Đạt	48	65	40	58	63	50
		53.33%	72.22%	44.44%	64.44%	70.00%	55.56%
	Chưa đạt	12	6	2	12	7	31
		13.34%	6.67%	2.22%	13.34%	7.78%	34.44%

Bảng 5. Kết quả đánh giá xếp loại thể lực theo từng chỉ tiêu của nữ SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Lứa tuổi	Xếp loại	Tố chất thể lực					
		Lực bóp tay thuận (kg)	*Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)*	*Bật xa tại chỗ (cm)*	*Chạy 30m XPC (giây)*	*Chạy con thoi 4 x 10m (giây)*	*Chạy tùy sức 5 phút (m)*
SV năm I, lứa tuổi 18	***Tốt***	15	35	17	33	15	10
		16.67%	38.89%	18.89%	36.67%	16.67%	11.11%
	Đạt	58	51	60	45	59	44
		64.44%	56.67%	66.67%	50.00%	65.56%	48.89%
	Chưa đạt	17	4	13	12	16	36
		18.89%	4.44%	14.44%	13.33%	17.78%	40.00%
SV năm II, lứa tuổi 19	***Tốt***	18	30	19	30	17	7
		20.00%	33.33%	21.11%	33.33%	18.89%	7.78%
	Đạt	59	58	55	50	60	40
		65.56%	64.44%	61.11%	55.56%	66.67%	44.44%
	Chưa đạt	13	2	16	10	13	43
		14.44%	2.22%	17.78%	11.11%	14.44%	47.78%
SV năm III, lứa tuổi 20	***Tốt***	13	32	14	27	14	9
		14.44%	35.56%	15.56%	30.00%	15.56%	10.00%
	Đạt	65	55	60	51	64	36
		72.22%	61.11%	66.67%	56.67%	71.11%	40.00%
	Chưa đạt	12	3	16	12	12	45
		13.33%	3.33%	17.78%	13.33%	13.33%	50.00%

Mỗi SV được đánh giá 4 trong 6 nội dung, trong đó có các nội dung là: *Lực bóp tay thuận (kg); Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 30m xuất phát cao (giây); + Chạy tùy sức 5 phút (m).* Kết quả được trình bầy tại bảng 4 và 5.

Qua bảng 4 và 5 cho thấy:

+ Đối với nam SV: Tính chung ở ba lứa tuổi, tỷ lệ xếp loại tốt là 89/270 (chiếm 32.96%); xếp loại đạt có 133/270 (chiếm 49.26%); xếp loại chưa đạt có 48/270 (chiếm 17.78%).

+ Đối với nữ SV: Tính chung ở ba lứa tuổi, tỷ lệ xếp loại tốt là 36/270 (chiếm 13.33%); xếp loại đạt có 120/270 (chiếm 44.44%); xếp loại chưa đạt có 114/270 (chiếm 42.23%). Tuy nhiên, số lượng SV chưa đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT khá cao.

3. KẾT LUẬN

Việc sử dụng trò chơi để phát triển thể lực chung SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã có triển khai tương đối khá song cũng thể hiện một số tồn tại sau:

- Thời gian chơi trò chơi trong mỗi buổi lên lớp phần lớn các giáo viên sử dụng là 5 - 10 phút, một số giáo viên sử dụng 10 - 15 phút và cá biệt có trường hợp sử dụng dưới 5 phút.

- Số lần sử dụng trò chơi trong một tuần còn quá ít, thực trạng sử dụng trò chơi ở trường Đại học Y Dược Cần Thơ cũng cho thấy một số vấn đề ảnh h-ưởng đến chất lượng hoạt động trò chơi cho SV là: trật hẹp về sân bãi, dụng cụ triển khai trò chơi còn thiếu thốn và số ít giáo viên còn hạn chế về trình độ. Do vậy ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng hoạt động của các trò chơi.

- Thể lực của SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ so với tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cho thấy: Đối với nam SV: Tính chung ở ba lứa tuổi, tỷ lệ xếp loại tốt là 89/270 (chiếm 32.96%); xếp loại đạt có 133/270 (chiếm 49.26%); xếp loại chưa đạt có 48/270 (chiếm 17.78%); Đối với nữ SV: Tính chung ở ba lứa tuổi, tỷ lệ xếp loại tốt là 36/270 (chiếm 13.33%); xếp loại đạt có 120/270 (chiếm 44.44%); xếp loại chưa đạt có 114/270 (chiếm 42.23%). Tuy nhiên, số lượng SV chưa đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT khá cao.

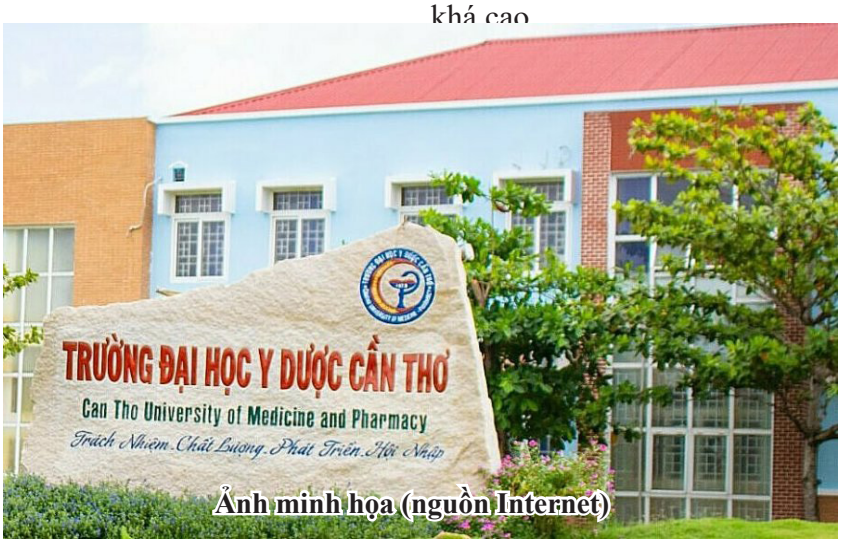

Ảnh minh họa (nguồn Internet)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 Phạm Tiến Bình (1985), *100 trò chơi khoẻ*, Nxb TDTT, Hà Nội.

2 Trịnh Trung Hiếu (1996), *Trò chơi thi đấu giải,* Nxb TDTT.

3 Mai Văn Muôn, Lê Anh Thơ (2010), *Một số TCVĐ dân gian và thể thao dân tộc ở Việt Nam*, Nxb TDTT, Hà Nội.

4 Bùi Vũ Hồng Nguyệt (2009), *Nghiên cứu ứng dụng một số TCVĐ phát triển thể lực chung cho học sinh trung học phổ thôngvùng cao Tây nguyên huyện Đức Trọng – Tỉnh Lâm Đồng*, luận văn thạc sĩ.

5 Nguyễn Toán, Phạm Danh Tốn (2002), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb Giáo dục.

Nguồn bài báo: *Bài báo được trích từ đề tài nghiên cứu khoa học cộng nghệ cấp trường "Nghiên cứu ứng dụng một số TCVĐ vào chương trình giáo dục thể chất để phát triển thể lực cho SV trường Đại học Y Dược Cần Thơ", ThS. Nguyễn Nhật Tường ,bảo vệ năm 2015 tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ.*

Ngày nhận bài: 12/2/2023; Ngày duyệt đăng: 10/5/2023